

Số /BC-UBND

Lào Cai ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”; Căn cứ văn bản số 3016/BYT-KH-TC ngày 09/6/2022 của Bộ Y tế về việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, UBND tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

I. Đặc điểm tình hình chung

Lào Cai là một tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, diện tích tự nhiên 6.364 km², địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi cao, có nhiều sông suối, chia cắt, đi lại khó khăn. Phía Bắc tỉnh giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với hơn 182 km đường biên giới quốc gia. Toàn tỉnh có 9 huyện/thị xã/TP với 152 xã, phường, thị trấn (127 xã, 9 thị trấn, 16 phường). Dân số toàn tỉnh đến hết năm 2021 là 761.090 người, thành phần chủ yếu là dân tộc thiểu số (chiếm trên 66,2% dân số). Trong những năm qua, tỉnh Lào Cai đã có nhiều phát triển mạnh mẽ, kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến, tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 là 25,19%, hộ cận nghèo là 12,75%, đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên là một tỉnh miền núi, vùng cao, còn có nhiều những khó khăn: Thời tiết mưa lũ diễn biến thất thường, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả hàng kém chất lượng vẫn còn, nhận thức của người dân vùng cao còn những hạn chế nhất định. Đặc biệt, trong 3 năm qua dịch bệnh COVID-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống người dân; các hoạt động đầu tư phát triển công nghiệp, xây dựng; xuất nhập khẩu, du lịch, giao lưu hàng hóa, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Về mạng lưới y tế: Ngành y tế toàn tỉnh Lào Cai có 30 đầu mối cơ quan, đơn vị y tế, gồm: 03 cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) tuyến tỉnh: Sở Y tế và 02 chi cục Dân số - KHHGD, An toàn vệ sinh thực phẩm tham mưu QLNN theo lĩnh vực. Có 27 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gồm: Tuyến tỉnh: 05 bệnh viện (BVĐK tỉnh, Sản Nhi, Y học cổ truyền, Nội tiết, Phục hồi chức năng) với: 1.450 giường bệnh; 05 Trung tâm tuyến tỉnh (Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm, Kiểm dịch Y tế quốc tế, Giám định Y khoa, Pháp Y). Tuyến huyện: Có 08 BVĐK, 09 Trung tâm y tế với: 1.575 giường bệnh, trong đó Trung tâm Y tế Si Ma Cai thực hiện đa chức năng. Có 18 phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc BVĐK tuyến huyện với 300 GB. Tuyến xã: Có 152 trạm y tế (127 trạm y tế xã, 16 trạm y tế phường, 9 trạm y tế thị trấn). Tổng số nhân lực y tế toàn tỉnh Lào Cai (gồm ngành y tế, hợp đồng, y tế tư nhân, khoa Y, Dược Trường Cao đẳng Lào Cai) tính đến 6/2022: 5.049 người (1.020 Bác sĩ, 239 dược sỹ đại học).

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác phổ biến, tuyên truyền nghị quyết

- Triển khai Nghị quyết 20-NQ/TW, Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, các văn bản hướng dẫn liên quan đến các chi bộ, cơ quan, đơn vị trên hệ thống quản lý điều hành. Đăng tải Nghị quyết, các kế hoạch thực hiện Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh, của ngành Y tế

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan thông tin đại chúng, tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết 20-NQ/TW, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và cộng đồng về ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, góp phần xây dựng phát triển tỉnh Lào Cai.

Các sở, ngành liên quan, cấp ủy, chính quyền địa phương, đã tích cực chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt, thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW với nhiều hình thức đa dạng, như: Lồng ghép nội dung trong các hội nghị của cấp ủy, cơ quan; trong hội nghị báo cáo viên cấp huyện thường kỳ hoặc trong các buổi giao ban triển khai nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền. Đài Phát thanh - Truyền hình, các cơ quan truyền thông, báo chí, thực hiện tuyên truyền Nghị quyết 20-NQ/TW theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các cấp ủy cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền, thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW trong các hội nghị của cấp ủy, chính quyền, các buổi họp, giao ban cơ quan, đơn vị; đồng thời chỉ đạo các chi bộ, các tổ tuyên vận, tổ chức đoàn thể trực thuộc tổ chức họp, sinh hoạt thôn, tổ dân phố, đoàn thể để quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 20-NQ/TW.

Ngành Y tế đã thực hiện việc tuyên truyền lồng ghép tại các buổi giao ban, hội nghị, tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng lồng ghép với các mục tiêu chương trình y tế khác.

2. Tình hình triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW

a) Các kế hoạch, Đề án của Tỉnh ủy

Căn cứ Nghị quyết 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (xin gọi tắt là Nghị quyết 20-NQ/TW), Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025” với các mục tiêu căn bản thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, nhiều mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 20-NQ/TW được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, giải pháp Đề án của Tỉnh ủy.

b) Các kế hoạch của UBND tỉnh:

- Ban hành Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Các kế hoạch hằng năm thực hiện Đề án số 7-ĐA/TU về “ Phát triển y tế, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020” năm 2019- 2020.

- Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 08/3/2021 thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU về “ Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 24/3/2021 thực hiện Đề án 07-ĐA/TU năm 2021.

- Kế hoạch 214/KH-UBND ngày 10/7/2019 Thực hiện “Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về kế hoạch thực hiện chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 30/3/2018 thực hiện Chương trình mục tiêu y tế-dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018 và giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch 51/KH-UBND ngày 28/1/2019 thực hiện Chương trình mục tiêu y tế-dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2019; các kế hoạch xây dựng nông

thôn mới và giảm nghèo bền vững hằng năm với nhiều mục tiêu, nhằm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW.

c) Các cấp ủy, UBND các huyện/thị xã/Thành phố

Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố đã xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và chương trình hành động của Chính phủ, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Đề án số 07-ĐA/TU giai đoạn 2020-2025.

(có phụ biểu đính kèm)

d) Sở Y tế, các sở, ngành liên quan:

- Sở Y tế đã cụ thể hóa các mục tiêu Nghị quyết thành mục tiêu cụ thể của ngành trong các hoạt động chuyên môn trên các lĩnh vực: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia y tế, bảo đảm an toàn thực phẩm. Thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các đơn vị việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Ban hành Hướng dẫn số 492/HD-SYT ngày 18/3/2021, triển khai thực hiện Đề án 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”. Chỉ đạo các đơn vị y tế huyện tham mưu Huyện ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố ban hành kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Kế hoạch số 131-KH/TU

- Các sở, ban, ngành liên quan đều đã bám sát chức năng nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh các đề án, kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Phần II

KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Thực hiện 2022	So sánh TH 2022/mục tiêu 2025
1	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95	>95	88,9	93,6
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	>95	95,0	100,0
3	Tỷ suất tử vong trẻ em	‰	18,5	15	19,5	105,4

	dưới 5 tuổi					
4	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	%	12,5	10	15,0	120,0
5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	<20	<15	27,5	72,7
6	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	>90	>95	70,0	77,8
7	Tỷ lệ trạm y tế xã phường thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	95	100	70,0	73,7
8	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	30	32	44,4	148,0
9	Số bác sỹ trên 10.000 dân	bác sỹ	10	11	13,5	135,0
10	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	dược sỹ	2,8	3	3,0	107,1
11	Số điều dưỡng viên trên 10.000 dân	điều dưỡng	25	33	13,8	55,3
12	Tỷ lệ giường bệnh tư nhân	%	10	15	3,0	30,1
13	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	>90	85,0	106,3
14	Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030					-
	Số ca nhiễm mới HIV trên 100.000 dân	ca			0,03	-
	Số ca mắc mới sốt rét trên 1.000 dân	ca			0,0	-
	Số ca mắc mới lao trên 1.000 dân	ca			0,12	-

II. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp.

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Việc xây dựng và ban hành kế hoạch hành động của địa phương để thực hiện Nghị quyết.

Triển khai thực hiện Kịp thời Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết, các kế hoạch về phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 07-ĐA/TU, thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”; các KH thực hiện hằng năm thực hiện Đề án 07-ĐA/TU và các Kế hoạch thực hiện các mục tiêu chương trình y tế, dân số giai đoạn 2021-2025 theo các quyết định của Chính phủ

b) Việc phân công trách nhiệm

Tại Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Lào Cai đều đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; các sở, ban, ngành việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết 20/TW.

Các huyện ủy/thị ủy/thành ủy đều đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các chi đảng bộ, các cơ quan, ban, ngành huyện, các xã, phường, thị trấn trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

d) Các mục tiêu, chỉ tiêu về sức khỏe, y tế và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe đều đã được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm và chiến lược phát triển của địa phương.

đ) Việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết được thực hiện lồng ghép với việc giám sát thực hiện các chương trình, đề án liên quan (Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 132-KH/TU ngày 24/5/2022 kiểm tra việc lãnh đạo, thực hiện Đề án số 07- TU, trong đó có nhiều mục tiêu trong Nghị quyết số 20-NQ/TW)

Giao ngành y tế thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu NQ với mục tiêu các chương trình y tế, dân số.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết

2.1. Nâng cao sức khỏe

- *Tập trung truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân: Truyền thông về các biện pháp phòng chống dịch, bệnh; dinh dưỡng hợp lý, tiêm chủng mở rộng, thay đổi hành vi sức khỏe có hại, nâng cao sức khỏe người dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng vùng, từng dân*

tộc. Hằng năm Ban hành hàng ngàn lượt tin, bài, ảnh, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng cho trên 2.000.000 lượt người nghe.

- *Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tâm vóc người Lào Cai:* Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 7-ĐA/TU của Tỉnh ủy (khóa XV) về “Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020”; Ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025”. Ban hành Kế hoạch số 215/KH-UBND của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai, thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tâm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030, Kế hoạch 107/KH-UBND ngày 11/3/2019 thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam giai đoạn đến năm 2030; triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu y tế- dân số giai đoạn 2016-2020, quản lý dịch bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm, quan tâm bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

- *Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng hợp lý cho từng nhóm đối tượng người dân:* Chú trọng chế độ dinh dưỡng người dân, đặc biệt là đối với trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú. Tuyên truyền thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn bổ sung hợp lý, đa dạng phù hợp với lứa tuổi; thực hiện việc cấp bổ sung viên sắt/acid folic/đa vi chất hằng năm cho phụ nữ có thai hằng năm đều đạt 100% KH; trẻ dưới 5 tuổi bị SDD các thể nhận được sản phẩm phục hồi dinh dưỡng đạt trên 82,8% năm; tỷ lệ trẻ 6-60 tháng được bổ sung vitamin A 98,5%; xây dựng và duy trì mô hình chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ dựa vào cộng đồng.

- *Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về ATTP, kiểm soát ATTP:* Thực hiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về ATTP của Bộ Y tế. Ngành Nông nghiệp đã tăng cường hướng dẫn, giám sát các chuỗi nông sản an toàn, trong năm 2019 đã xác nhận cho 27 sản phẩm nông sản tham gia chuỗi cung ứng nông sản an toàn (lũy tích toàn tỉnh đã có 66 chuỗi nông sản an toàn được xác nhận). Số cơ sở thực phẩm thực hiện quy trình tự công bố chất lượng sản phẩm tăng từ 37 hồ sơ năm 2018 lên 185 hồ sơ năm 2019. Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu đã tăng từ 84% năm 2018 lên 90% năm 2022.

- *Công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy, đánh giá hiệu quả chương trình điều trị Methadone:* Duy trì 07 cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện tại BVĐK các huyện Văn Bàn, Bảo Thắng, Bát Xát, Sa Pa, Bảo Yên, Trung tâm kiểm soát bệnh tật, cơ sở điều trị Methadone xã hội hóa và 09 cơ sở cấp phát thuốc Methadone tại PKĐKKV. 1.423/1.350 (đạt: 105,5% KH). Người nghiện ma túy dùng thuốc methadone duy trì trạng thái ổn định, cải thiện sức khỏe, ổn định cuộc sống, hòa nhập tốt với cộng đồng.

- *Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ, giảm tác hại của thuốc lá:* Tuyên truyền về tác hại của thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng,

cụ thể: Đăng bài trên Báo Lào Cai, Phát phóng sự trên Đài phát thanh, truyền hình tỉnh; phát triển các tài liệu truyền thông về phòng chống tác hại của thuốc lá: in ấn pano, áp phích, tờ gấp, tài liệu đào tạo...; tổ chức lễ mít tinh, điều hành cấp tỉnh về phòng chống tác hại của thuốc lá luân phiên tại các huyện/thị xã/thành phố. Tổ chức các lớp tập huấn về phòng chống tác hại của thuốc lá cho các thành viên ban chỉ đạo, chuyên trách tham dự.

- Kết quả của công tác y tế học đường; đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể:

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn về công tác y tế trường học, kiến thức phòng chống các bệnh tật lứa tuổi học đường, sử dụng và bảo quản tủ thuốc sơ cấp cứu cho các học viên là cán bộ chuyên trách, giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học. Định kỳ tổ chức các đợt khám điều tra bệnh răng miệng, tật khúc xạ tại các huyện Si Ma Cai, Bát Xát, Mường Khương, Bảo Yên. nhằm phát hiện các bệnh về răng miệng, tật khúc xạ; các bệnh về dinh dưỡng, cong vẹo cột sống. Đẩy mạnh công tác truyền thông rửa tay bằng xà phòng, truyền thông về dinh dưỡng cho học sinh các trường.

- Kết quả triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu:

Hướng dẫn xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; kiểm tra giám sát chất lượng nước uống, sinh hoạt; triển khai phong trào cải tạo vệ sinh môi trường (VSMT) nông thôn; chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và cấp nước nông thôn dựa trên kết quả”, vay vốn ngân hàng thế giới. Phối hợp truyền thông tại cộng đồng, cơ quan, công sở, trường học về VSMT, phòng chống dịch bệnh và ATTP... Vận động các gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Tham gia các đợt thi đua của tỉnh, ngành về công tác nước sạch, VSMT, phòng chống dịch bệnh như: Tuần lễ nước sạch VSMT, Ngày nước thế giới, Ngày môi trường thế giới... Tổng vệ sinh, thu gom rác thải tại trụ sở làm việc và tại các hộ gia đình, triển khai các hoạt động như treo băng zôn, khẩu hiệu, áp phích về chủ đề Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe.

- Các đơn vị y tế đã thực hiện tốt việc quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BTNMT-BYT ngày 31/12/2015 và các văn bản pháp luật liên quan khác: Phân công lãnh đạo, cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải; thu gom, phân loại, xử lý theo đúng quy định; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng; thực hiện báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định. Theo báo cáo của 214 cơ sở, ước tính tổng lượng chất thải lây nhiễm trong năm 2021: 128,23 tấn; chất thải nguy hại không lây nhiễm: 6,08 tấn; chất thải y tế thông thường: 765,913 tấn; tổng lượng nước thải y tế là 171.522,4 m³; chất thải đều được xử lý theo quy định.

- Đánh giá hiệu quả các hoạt động xã hội góp phần giảm thiểu những tác động, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng: Các cấp ủy, chính quyền ở cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân, nhất là ở các địa bàn vùng cao xây

dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân, như đi vệ sinh bừa bãi, đẻ tại nhà, chữa bệnh bằng thầy mo, thầy cúng... Đến tháng 12/2021 HGD có nhà tiêu, 146.378/169.910 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (đạt 86,2%).

- *Kết quả triển khai đồng bộ các giải pháp, chống thảm họa, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy nổ, bệnh nghề nghiệp: Năm 2019, Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện quan trắc môi trường lao động tại 27 cơ quan, đơn vị với 4.173 mẫu, trong đó có 3.759 mẫu đạt tiêu chuẩn (90,1%) và 414 mẫu không đạt tiêu chuẩn (9,9%). Khám sức khỏe định kỳ cho 23 cơ quan, đơn vị với 3.461 người lao động. Công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả luôn được quan tâm chỉ đạo.*

2.2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở:

** Hệ thống y tế*

- Mạng lưới y tế công lập được duy trì ổn định và hoạt động hiệu quả, hiện toàn ngành có 30 đầu mối cơ quan, đơn vị y tế, gồm: 03 cơ quan QLNN tuyến tỉnh: Sở Y tế và 02 chi cục Dân số - KHHGD, An toàn VSTP tham mưu QLNN theo lĩnh vực. Có 27 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gồm: Tuyến tỉnh: 05 bệnh viện (BVĐK tỉnh, Sản Nhi, Y học cổ truyền, Nội tiết, Phục hồi chức năng) với: 1.450 GB; 05 Trung tâm tuyến tỉnh (Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm, Kiểm dịch YTQT, Giám định Y khoa, Pháp Y). Tuyến huyện: Có 08 BVĐK, 09 Trung tâm y tế với: 1.575 GB, trong đó Trung tâm Y tế Si Ma Cai thực hiện đa chức năng. Có 18 PKĐKKV trực thuộc BVĐK tuyến huyện với 300 GB. Tuyến xã: Có 152 trạm y tế (127 trạm y tế xã, 16 trạm y tế phường, 9 trạm y tế thị trấn).

- Tổng số nhân lực y tế toàn tỉnh Lào Cai (gồm ngành y tế, hợp đồng, y tế tư nhân, khoa Y, Dược Trường Cao đẳng Lào Cai) tính đến 6/2022: 5.049 người (1.020 BS, 239 dược sỹ đại học) trong đó: Nhân lực ngành Y tế (bao gồm Sở Y tế và 29 đơn vị trực thuộc): 3.968 người, hợp đồng: 211, còn lại là y tế tư nhân: 468, khối kinh doanh dược: 389 người; Khoa Y – Dược, Trường Cao đẳng Lào Cai: 13 người.

- Tiếp tục củng cố hoạt động các đơn vị: Tăng cường hoạt động các Trung tâm Tim Mạch, Ung bướu- Y học hạt nhân, Khoa CSSK cán bộ và khám chữa bệnh theo yêu cầu trực thuộc BVĐK tỉnh; tiếp tục trình UBND tỉnh việc tách, thành lập mới các khoa, phòng thuộc các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc đổi mới trong phân cấp quản lý, Sở Y tế phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh việc thí điểm chuyển giao Trung tâm Y tế thành phố Lào Cai và Trung tâm Y tế thị xã Sa Pa (bao gồm cả trạm y tế tuyến xã) về UBND cấp huyện quản lý trực tiếp.

** Việc triển khai các chính sách về nâng cao năng lực cho y tế cơ sở của địa phương:*

Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, quy định về nâng cao năng lực y tế cơ sở Quyết định 2348/QĐ-TTg, xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia y tế... đặc biệt Nghị quyết 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022: đã đào tạo 169 cán bộ đại học và sau đại học; cử nhiều lượt cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý và tiêu chuẩn ngạch công chức năm 2022; tham gia đào tạo liên tục (đào tạo ngắn hạn, chuyển giao kỹ thuật) theo Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế. Tiếp tục duy trì thực hiện đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816 của Bộ Y tế về cử cán bộ bệnh viện tuyến tỉnh luân phiên giúp đỡ hỗ trợ bệnh viện tuyến huyện.

Thực hiện đầy đủ các chính sách cho cán bộ y tế, nhằm nâng cao năng lực, khuyến khích cán bộ y tế yên tâm công tác.

** Tình hình triển khai Quyết định 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới.*

Căn cứ Quyết định 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ Tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã Ban hành Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 10/7/2018 thực hiện “Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh Lào Cai”, hằng năm đều đã ban hành kế hoạch cụ thể, giao ngành y tế chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu triển khai thực hiện. Cho đến nay, hệ thống y tế cơ sở đã được quan tâm đầu tư. Các bệnh viện đều đang giai đoạn tái thiết, xây mới: Có 03 bệnh viện tuyến huyện được xây mới, nâng cấp (Sa Pa, Mường Khương, Bảo Thắng), có 04 BVĐK tuyến huyện đang chuẩn bị xây mới (BVĐK Văn Bàn, Bát Xát, Bảo Yên, Bắc Hà); các PKĐKKV, các trạm y tế xã phường, thị trấn cơ bản được kiên cố. các trạm y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT đạt 152/152 (100%), tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe điện tử đạt 66%; 100% các xã đạt tiêu chí quốc gia y tế. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật theo phân tuyến còn đạt thấp so mục tiêu: hiện mới thực hiện đạt từ 20-40% (Mục tiêu đến năm 2025 đạt tối thiểu 90%).

** Việc đảm bảo cung ứng thuốc*

Tăng cường chỉ đạo công tác thẩm định cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở (Năm 2021: 117 cơ sở, 6 tháng đầu năm 2022: 31 cơ sở); thực hiện việc cấp chứng nhận thực hành thuốc tốt (GPP), chứng chỉ hành nghề dược cho các doanh nghiệp, cá nhân; thực hiện việc thu hồi giấy phép đúng theo quy định. Tổng số cơ sở kinh doanh thuốc đến hiện tại có 371 cơ sở, trong đó có 10 cơ sở bán buôn (Công ty), 163 nhà thuốc, 198 quầy thuốc

Chỉ đạo việc triển khai đấu thầu mua sắm thuốc hằng năm cho các đơn vị y tế, trong những năm qua luôn đủ thuốc cho khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và công tác dự phòng cũng như nhu cầu của người dân. Từ năm 2019, việc đấu thầu tập trung cấp địa phương giao cho Trung tâm Kiểm nghiệm thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc cho các cơ sở khám chữa bệnh. Thường xuyên kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc hằng năm theo kế hoạch; chất lượng thuốc trên địa bàn toàn tỉnh ổn định, không có thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc bị đình chỉ lưu hành tại các cơ sở. Khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước: Hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và Đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam" của Bộ Y tế và thực hiện kế hoạch công tác dược của tỉnh. Năm 2020, tỷ lệ mua thuốc sản xuất trong nước đạt 59,9%.

** Việc triển khai khám chữa bệnh BHYT tại trạm y tế xã*

Công tác khám chữa bệnh BHYT đã được triển khai đến 100% các trạm y tế xã, phường, thị trấn; đảm bảo người dân được thăm khám, cấp thuốc ngay tại tuyến xã. Số lần khám chữa bệnh BHYT tại tuyến xã hằng năm đạt từ 22-25% (Năm 2019 đạt 25,3%; Năm 2021 đạt 22%,). Các trạm y tế đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật, tuy nhiên các dịch vụ vẫn còn đạt thấp so quy định (50%).

** Thực hiện việc ưu tiên ngân sách địa phương cho đầu tư, chi thường xuyên và huy động các nguồn lực khác cho y tế cơ sở, cho y tế dự phòng nhằm hỗ trợ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.*

** Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực tuyến y tế cơ sở- Triển khai các hoạt động phòng, chống và quản lý các bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở.*

Công tác đào tạo nâng cao năng lực cho y tế cơ sở được quan tâm với nhiều hình thức, nhiều loại hình; đào tạo chuyên môn kết hợp đào tạo về lý luận chính trị. Trong 5 năm đã đào tạo cho trên 230 lượt cán bộ y tế cơ sở. Tổ chức nhiều đợt đào tạo liên tục (đào tạo ngắn hạn, chuyển giao kỹ thuật) theo Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế.

Triển khai hướng dẫn việc rà soát, quản lý khám bệnh không lây nhiễm tại tuyến xã: số xã quản lý bệnh tăng huyết áp: 106/152 (70%), từng bước triển khai việc quản lý bệnh Đái tháo Đường, bệnh tuyến giáp tại cộng đồng.

** Triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh*

Chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19 ngay từ khi dịch bệnh mới xuất hiện. Tham mưu thực hiện nghiêm, hiệu quả các công điện, chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh; tham mưu các biện pháp phòng, chống phù hợp với địa phương. Chỉ đạo triển khai thực hiện thực hiện tốt thông điệp “5K” của Bộ Y tế. Tích cực, chủ động trong giám sát, phát hiện, quản lý, điều trị bệnh nhân COVID-19,

tổ chức triển khai tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả. Hiện nay, dịch bệnh đã cơ bản ổn định, Sở Y tế tiếp tục tham mưu việc thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19”.

+ Tính đến 13/6/2022, lũy kế: 181.828 ca F0, số khỏi: 181.571; BN tử vong: 40; hiện đang điều trị: 217. Tổng số mẫu xét nghiệm: PCR: 124.487 mẫu; kết quả: (+) tính: 12.719; Test nhanh: 695.700, trong đó dương tính: 160.614

+ Triển khai công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho toàn thể cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tổng liều vắc xin đã tiếp nhận: 1.874.854 liều, tổng liều vắc xin đã tiêm: 1.826.428 mũi, trong đó: Đối tượng từ 18 tuổi trở lên được tiêm 2 mũi: 476.898 người (đạt 98,93%); tiêm nhắc lại: 353.523 người, tiêm bổ sung: 259.944 người. Đối tượng từ 12-17 tuổi được tiêm 2 mũi: 79.887 người (đạt 95,16%). Đối tượng từ 5-11 tuổi được tiêm 75.406 trẻ.

- Quản lý chặt chẽ các dịch bệnh lưu hành địa phương, các bệnh lây nhiễm khác. Các dịch bệnh nguy hiểm căn bản đã được khống chế, nhiều năm không phát hiện bệnh nhân sốt rét; các bệnh lây nhiễm khác ổn định, một số trường hợp cúm mùa, thủy đậu tay chân miệng.. xuất hiện rải rác đều được phát hiện, xử lý kịp thời, không để xảy ra dịch. Phát hiện, tiêm vắc xin kịp thời các trường hợp xúc vật nghi đại căn (Năm 2020 là 2.537 trường hợp, năm 2021 là 1.662 trường hợp).

** Triển khai khám chữa bệnh y học cổ truyền tại trạm y tế xã*

Thường xuyên chỉ đạo các trạm y tế xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại; phát huy các bài thuốc y học cổ truyền trong dân gian. Có 152/152 (100%) trạm y tế xã đạt chuẩn tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong đó có đạt tiêu chí về YHCT, có 149/152 (đạt 98%) trạm y tế có vườn thuốc nam mẫu và có hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

* Kết quả củng cố, phát triển và thực hiện đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ: 100% Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và 164 xã, phường xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh tại địa phương: 100% các cơ sở y tế tổ chức giám sát tình hình dịch bệnh (nòng cốt 164 tổ phòng chống dịch/164 xã phường) thường xuyên, định kỳ: 100% các vụ dịch được phát hiện, điều tra, giám sát, báo cáo, đánh giá xử lý kịp thời, đặc biệt là các bệnh dịch mới nổi và tái nổi: 40% nhân viên y tế thôn bản các xã được cập nhật nâng cao kỹ năng truyền thông, giám sát phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng; 100% các xã, phường và các trường học ở các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra dịch bệnh được tuyên truyền về các kiến thức phòng chống dịch bệnh; 100% các cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế dự phòng đóng trên địa bàn Lào Cai thực hiện

khai báo, báo cáo bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm trực tuyến theo quy định của Bộ Y tế; 100% các cơ sở tiêm chủng đóng trên địa bàn Lào Cai triển khai thực hiện hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia bao gồm các phòng tiêm chủng dịch vụ.

2.3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện:

- Việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng KCB của địa phương: thực hiện các hướng dẫn chuyên môn; thực tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; đảm bảo sự hài lòng người bệnh.

Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, TTB cho các đơn vị y tế: Các bệnh viện tiếp tục được đầu tư, năm 2019 hoàn thành xây mới BV Nội tiết, BV Y học cổ truyền; sửa chữa BVĐK tỉnh, nâng cấp BVĐK huyện Bảo Thắng; xây dựng 10 trạm y tế từ nguồn vốn EU. Năm 2021 tiếp tục xây các BV: BVĐK tỉnh giai đoạn II, BVĐK các huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, Bắc Hà; nâng cấp Trung tâm Y tế Si ma Cai, Bảo Thắng. Chuẩn bị đầu tư các TTYT huyện, các PKĐKKV Tầng Lông (Bảo Thắng), cán cẩu (Si ma cai), Mường Bo (Sa Pa); nâng cấp các TYT xã xuống cấp.

Triển khai hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh tại BVĐK tỉnh (vệ tinh của BV Bạch Mai, BV Việt Đức); BV Sản Nhi (vệ tinh của BV Phụ sản TW và BV Nhi TW); BVĐK huyện Mường Khương (vệ tinh của BV Trường Đại học Y Hà Nội); BVĐK huyện Sa Pa (tiếp nhận hỗ trợ của BV Bạch Mai). Các BV Trung ương đã tích cực hỗ trợ đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho các BV của tỉnh. Tiếp tục phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao trong khám, chữa bệnh. Duy trì hoạt động Đề án 1816 của Bộ Y tế. Sở Y tế đã ban hành KH luân phiên cán bộ y tế tuyến trên hỗ trợ chuyên môn tuyến dưới; có 72 bác sỹ đã được cử luân phiên cho trạm y tế xã, khám chữa bệnh ít nhất 2 ngày/tuần. Các bệnh viện đã triển khai các gói dịch vụ kỹ thuật mới, điều trị nhiều ca bệnh khó, phức tạp ngay tại cơ sở.

Chỉ đạo ngành y tế trong việc kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế đã thực hiện đúng hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế, trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyên môn không để xảy ra sai sót. Thực hiện tốt quy định về phân tuyến kỹ thuật, khuyến khích thực hiện các kỹ thuật vượt tuyến (trong điều kiện cho phép). Thực hiện đúng lộ trình liên thông, lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, Đào tạo chuyên sâu cho các BV tuyến tỉnh, đào tạo các bác sỹ cho tuyến cơ sở. Tăng cường công tác giáo dục về y đức, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân; chỉ đạo thực tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; đảm bảo sự hài lòng người bệnh. Trong 5 năm qua (2017-2022) đã đào tạo cho tổng số: 1.490 cán bộ y tế, trong đó: Đào tạo sau đại học: 336, đại học: 326, cao đẳng: 828 (Năm 2017 đào tạo: 200; năm 2018: 421; năm 2019: 440; năm 2020: 219; năm 2021: 145; năm 6/2021: 65).

- Việc thực hiện tự chủ bệnh viện, đầu tư trang thiết bị; đảm bảo nguồn thu tài chính cho các cơ sở y tế

Chỉ đạo ngành y tế tích cực triển khai tự chủ về tài chính bệnh viện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện nay các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh đều từng bước thực hiện tự chủ chi thường xuyên, có 4 đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên (Trung tâm Kiểm dịch Y TQT, Bệnh viện phục hồi chức năng, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Sản Nhi).

- Tình hình thực hiện chính sách KCB BHYT của địa phương

Triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh. Công tác khám chữa bệnh BHYT được triển khai từ các đơn vị tuyến tỉnh đến các trạm y tế xã, phường, thị trấn, người dân được thụ hưởng và tiếp cận các dịch vụ y tế bảo đảm thuận lợi và đầy đủ.

- Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở y tế của địa phương để đảm bảo nguyên tắc hệ thống các cơ sở khám, chữa bệnh hoàn chỉnh ở tỉnh. Chỉ đạo việc quy hoạch mạng lưới các cơ sở y tế đúng theo định hướng của Bộ Y tế gồm:

- Hệ thống các cơ sở điều trị: Gồm có 05 Bệnh viện tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi, BV Phục hồi chức năng, BV Nội tiết, BV Y học cổ truyền. Tuyến huyện, TP có: 08 BVĐK và Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai (thực hiện 2 chức năng khám chữa bệnh và dự phòng). Có 18 Phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc BVĐK tuyến huyện.

- Hệ thống các đơn vị dự phòng: Tuyến tỉnh có Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC), Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế. Tuyến huyện có 9 trung tâm y tế các huyện/thị xã/TP, có 152 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Hệ thống đơn vị kiểm nghiệm: Có Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh

- Hệ thống các cơ quan giám định: Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y.

- UBND tỉnh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo cơ sở y tế trong việc đầu tư, phát triển kỹ thuật để nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường đầu tư mạnh hơn cho phát triển cơ sở vật chất các đơn vị y tế, nhiều dự án đã và đang được triển khai xây mới và nâng cấp cơ sở Y tế. Chỉ đạo việc tham mưu ban hành hành định mức trang thiết bị y tế, chỉ đạo việc tham mưu kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế giai đoạn 2021-2025; công tác mua sắm tập trung (thuốc, TTB, vật tư y tế...). Ban hành các kế hoạch thực hiện Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816, Đề án khám chữa bệnh từ xa của Bộ Y tế, các kế hoạch trong phòng chống dịch bệnh, triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình y tế. Tham mưu HĐND ban hành các chính sách lĩnh vực y tế, tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế (Chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo nguồn nhân

lực, chính sách khám chữa bệnh người nghèo, chính sách hỗ trợ công tác dân số-KHHGD...

2.4. Việc phát triển nguồn dược liệu ở địa phương (nếu có)

Chỉ đạo phát triển nguồn dược liệu tại địa phương, phát huy lợi thế về khí hậu về phát triển dược liệu: UBND tỉnh ban hành quy hoạch, kế hoạch phát triển dược liệu của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 4478/QĐ-UBND ngày 14/12/2016); chỉ đạo việc đánh giá, kiểm tra nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc” của Bộ Y tế đối với các dược liệu trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, tỉnh Lào Cai đã có 5 cây dược liệu đã được Bộ Y tế đánh giá công nhận đạt các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO), cụ thể: trồng 50 ha Actiso tại huyện Sa Pa; 35.000 ha Chè dây tại huyện Sa Pa, Bát Xát; 5 ha Cát cánh tại huyện Bắc Hà; 3,2 ha Xuyên khung tại huyện Bát Xát và 4,0 ha Đương Quy tại huyện Bắc Hà.

2.5. Việc thực hiện các chính sách thu hút, chính sách đãi ngộ cho nhân viên y tế; chính sách đào tạo liên tục ở địa phương.

Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2021 (*Giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai*). Trong 5 năm 2017-2022 đã thực hiện chính sách thu hút cho 97 cán bộ y tế (*Năm 2017: 20; năm 2018: 01; năm 2019: 21; năm 2020: 36; năm 2021: 12; 6/2022: 15*); thực hiện chính sách đãi ngộ cho: 1225 cán bộ y tế (*Năm 2017:100; năm 2018: 193; năm 2019: 210; năm 2020: 230; năm 2021: 240; 6/2022: 252*); Hỗ trợ đào tạo cho 63 cán bộ y tế (*Năm 2017: 23, năm 2019: 21, năm 2020:11, năm 2021: 7, 6/2022: 05*). Hộ trợ sinh viên địa chỉ và cam kết về Lào Cai công tác: 28 người (*Năm 2017: 03; năm 2019: 02; năm 2021: 17; 6/2022: 03*).

Hàng năm đều ban hành kế hoạch luân phiên cán bộ y tế tuyển trên về hỗ trợ tuyển dưới (năm 2021 có 101 cán bộ luân phiên).

2.6. Đổi mới hệ thống tổ chức và cung cấp dịch vụ y tế:

- Tiếp tục hoàn chỉnh về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị y tế và thực hiện tinh giản đầu mối theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện bệnh viện đa khoa tỉnh hoàn chỉnh quy mô 800 giường bệnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Sản Nhi, Nội tiết, Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi về mặt địa lý.

- Sáp nhập các trung tâm dự phòng tuyến tỉnh (Trung tâm Y tế dự phòng, Phòng chống sốt rét, Truyền thông GDSK, Chăm sóc SKSS) thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

- Mô hình y tế tại 8 huyện/thị xã/TP hiện nay vẫn còn 02 đơn vị: Bệnh viện đa khoa tuyến huyện và trung tâm y tế huyện (thực hiện chức năng dự phòng, quản lý 23 trạm y tế xã, phường, thị trấn). Tại huyện Si Ma Cai đã thực hiện thí điểm sáp nhập 2 đơn vị tuyến huyện thành mô hình trung tâm y tế đa chức năng, bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; trung tâm trực tiếp quản lý trạm y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực tại huyện Si Ma Cai lý các phòng khám đa khoa khu vực.

- Ban hành Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, sắp xếp giải thể, chấm dứt hoạt động của 18 Phòng khám đa khoa khu vực, trên địa bàn huyện hiện còn 18 PKĐKKV trực thuộc BVĐK tuyến huyện.

- Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh, sắp xếp hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết 869/NQ-UBTVQH ngày 11/02/2020 của UBTV Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Số: 767/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của UBTV Quốc hội về việc thành lập thị xã Sa pa và các phường, xã thuộc thị xã Sa pa tỉnh Lào Cai. Hiện nay toàn tỉnh có 152 trạm y tế tuyến xã, trong đó có 127 trạm y tế xã, 9 trạm y tế thị trấn, 16 trạm y tế phường. các trạm y tế thowngf xuyên thực hiện tốt công tác y tế học đường trên địa bàn.

Từ năm 2016, hệ thống y tế gồm 56 cơ quan, đơn vị; Sở Y đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh sắp xếp, sáp nhập những đầu mối, đơn vị có sự tương đồng về chức năng, hoạt động kém hiệu quả, cụ thể đã tinh giản 27 đầu mối

- Nâng hạng cho 11 đơn vị, giữ hạng 03 đơn vị, đến năm 2020, toàn ngành có 02 đơn vị xếp hạng I (Kiểm soát bệnh tật, BVĐK tỉnh); 12 đơn vị xếp hạng II (bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, BVĐK huyện/thị xã, các trung tâm tuyến tỉnh); 10 đơn vị xếp hạng III (BVĐK TP và 9 TTYT); 3 đơn vị không xếp hạng (Kiểm nghiệm, Pháp Y, Giám định Y khoa).

- Chỉ đạo triển khai mạnh mẽ các chương trình, đề án: Đề án BV vệ tinh, đề án 1816, đề án 585 của Bộ Y tế, thực hiện luân phiên cán bộ chuyên môn cho tuyến dưới, thực hiện chuyển giao kỹ thuật. Đến hết năm 2020, số gói dịch vụ kỹ thuật mới tuyến tỉnh đã triển khai là: 129/101 (đạt 127,7% KH); số gói DVKT mới tuyến huyện đã triển khai là 125/98 (138% KH); qua đó thực hiện tốt hơn việc cung ứng dịch vụ cho cơ sở. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các hoạt động chuyên môn, phát hiện xử lý kịp thời các cơ sở vi phạm theo quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển mạng lưới y tế trong và ngoài công lập. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; thẩm định, cấp mới và thu hồi giấy phép các cơ sở hành nghề YTTN theo đúng quy định. Tổng số cơ sở HNYTN đang hoạt động 172, trong đó, Bộ Y tế cấp 01 BV tư nhân, Sở Y tế cấp 171 cơ sở, gồm: PKĐK: 07; PKCK: 117 (trong đó có 04 PKCK YHCT); PK Tư

vấn và điều trị dự phòng: 10; Phòng chẩn trị YHCT: 15; Cơ sở cấp cứu và vận chuyển người bệnh: 01; Cơ sở chẩn đoán hình ảnh: 05; Cơ sở dịch vụ y tế: 09; Cơ sở + phòng xét nghiệm: 02; Phòng tiêm chủng: 05.

2.7. Đổi mới tài chính y tế:

Ban hành Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các bệnh viện và Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với BVĐK tỉnh, BV Sản nhi. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào DTTS, biên giới; hỗ trợ chi phí KCB cho người nghèo, người DTTS điều trị nội trú, số phụ nữ nghèo sinh con tại cơ sở y tế theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Tham mưu sử dụng nguồn kinh phí giảm cấp ngân sách do giá dịch vụ đã kết cấu tiền lương để đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị y tế và một số nội dung khác theo quy định

Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Hằng năm, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế, Dân số năm 2019 và ưu tiên bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ cho các hoạt động. Tiếp tục tham mưu sử dụng nguồn vốn từ Chương trình hỗ trợ chính sách ngành Y tế do EU viện trợ để đầu tư y tế cơ sở, xây mới, nâng cấp 10 trạm y tế xã, kinh phí 52.500 triệu đồng; hỗ trợ mua sắm 02 đơn nguyên sơ sinh cho BVĐK huyện Bảo Yên, Sa Pa, số tiền 1.000 triệu đồng; hỗ trợ mô hình 03 xã điểm, mua sắm trang thiết bị đáp ứng triển khai mô hình y học gia đình tại các trạm y tế xã từ nguồn vốn do Dự án HPET tài trợ... Ngân sách nhà nước, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 quy định giá dịch vụ cho người không có thẻ BHYT, mức giá bằng giá tối đa quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BYT. Từ năm 2020, đối tượng có thẻ và không có thẻ BHYT trên địa bàn tỉnh sẽ thực hiện cùng một mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tạo thuận lợi cho các cơ sở khám, chữa bệnh khi thanh quyết toán và tại ra sự công bằng giữa các đối tượng, đồng thời tỷ lệ bao phủ BHYT sẽ tiếp tục tăng. Năm 2020, 2021, UBND tỉnh đã cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19...

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng... để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Năm 2020, lĩnh vực y tế có 03 đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên là Bệnh viện PHCN và Bệnh viện Nội tiết, Trung

tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế (năm 2021 có thêm BV Sản Nhi đăng ký tự chủ 100% chi thường xuyên). Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập để đẩy nhanh mức độ tự chủ tiến tới tự chủ chi thường xuyên đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, liên doanh liên kết... bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu.

- *Việc triển khai Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo của địa*

Phương: Triển khai hiệu quả các chính sách của nhà nước, của tỉnh trong công tác khám, chữa bệnh, dự phòng, khám chữa bệnh BHYT. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 về chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số cùng khó khăn; phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phòng, chống, ngăn chặn tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công. Trong những năm qua không có tình trạng trên tại các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh

2.8. Việc thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại địa phương

Chỉ đạo việc đẩy mạnh các hoạt động các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe dưới nhiều hình thức: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (Hệ thống truyền thanh truyền hình) đài truyền thanh, truyền hình các huyện/ thị xã; trên các loa phát thanh xã, phường, thị trấn.

2.8. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả HT quốc tế:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về hội nhập quốc tế; quán triệt đầy đủ các nội dung trọng tâm của Đề án 14-ĐA/TU của Tỉnh ủy về “Mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, giai đoạn 2016 - 2020” tới toàn thể các đồng chí lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, cơ quan đơn vị trực thuộc. Hợp tác chặt chẽ với tỉnh Vân Nam (Trung quốc) trong công tác giám sát, phòng, chống dịch bệnh, thực hiện việc duy trì thường xuyên 04 hoạt động cơ bản: phòng chống HIV/AIDS, sốt xuất huyết và phòng chống lây truyền Sốt rét, phòng chống dịch bệnh qua biên giới giữa Thành phố Lào Cai huyện Hà Khẩu - Trung Quốc. Phối hợp trong việc phòng chống ngăn chặn dịch bệnh, kiểm tra y tế cho người, phương tiện, phòng chống hàng giả, gian lận thương mại, các nguy cơ mất an toàn thực phẩm... qua biên giới.

Phối hợp triển khai hiệu quả các dự án quốc tế: Chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU tài trợ; Dự án chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em dựa trên đội ngũ cô đỡ thôn bản tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2018 do Tổ chức Samaritan's Purse tài trợ; Dự án “Chẩn đoán, chăm sóc và điều trị AIDS” do

quỹ chăm sóc sức khỏe AIDS hoa kỳ (AHF) tài trợ; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ; Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ; Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin năm 2018 tỉnh Lào Cai do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ; Dự án “Trao quyền và nâng cao vị thế kinh tế cho phụ nữ thông qua cải thiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, sản phẩm sức khỏe sinh sản KHHĐ tại tỉnh Lào Cai, do Tổ chức Marie Stoppes International (Anh) tài trợ...

2.9. Việc đầu tư nguồn lực tài chính:

Giai đoạn 2017-2021, thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017, tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên; thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 và kéo dài đến năm 2021, là cơ sở để tỉnh Lào Cai giao dự toán triển khai thực hiện. Kết quả như sau:

2.9.1. Đối với các đơn vị sự nghiệp

a) Khỏi khám chữa bệnh

Từ năm 2016 đến nay giá thu dịch vụ thay đổi liên tục, cụ thể các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện thu dịch vụ theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; Thông tư 15/2018/TT-BYT; Thông tư 39/2019/TT-BYT và Thông tư số 13/2019/TT-BYT của Bộ Y tế. Đối với dịch vụ khám chữa bệnh cho đối tượng không có thẻ BHYT thực hiện theo Nghị quyết 10/2017/NQ-HĐND ngày 17/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 23/2019/HĐND của HĐND tỉnh quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT.

Cụ thể đối với các cơ sở khám chữa bệnh kinh phí không còn cấp theo định mức/giường bệnh, ngoài các khoản chi thường xuyên ra nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có): kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển, kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp, kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

Thực hiện Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC, Thông tư số 15/2018/TT-BYT, Thông tư số 39/2018/TT-BYT, Thông tư số 37/2018/TT-BYT và Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND, giá dịch vụ khám chữa bệnh gồm các chi phí: Chi phí trực tiếp (thuốc, dịch truyền, hóa chất, điện nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, duy tu, bảo dưỡng thiết bị mua thay thế công cụ dụng cụ), chi phí phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật; Chi phí tiền lương theo lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ.

Đối với các bệnh viện của tỉnh Lào Cai do lưu lượng khám bệnh chữa bệnh chưa cao, các dịch vụ y tế giá cao chưa phát triển, tần suất sử dụng dịch vụ thấp, do đó giá thu từ dịch vụ khám chữa bệnh chưa đảm bảo được các hoạt động chi thường xuyên của đơn vị (như tiền lương, chi phí bảo vệ, vệ sinh công nghiệp, ...). Vậy ngân sách tỉnh vẫn phải hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu, hoặc chưa có trong cơ cấu giá dịch vụ để đảm bảo: phần kinh phí tiền lương theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao và công suất sử dụng giường bệnh còn thiếu do cơ cấu tiền lương trong số thu được từ giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định chưa đủ để chi trả; Các khoản chi hoạt động của chi, đảng bộ cơ sở, các khoản phụ cấp và chi hoạt động của lực lượng tự vệ; phụ cấp đối với cựu chiến binh của cơ quan, đơn vị, kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định là trang thiết bị kỹ thuật đặc thù riêng của ngành; chi bảo vệ, chăm sóc cây xanh; chi cho công tác vệ sinh công nghiệp ngoài phạm vi buồng bệnh, phòng khám; chi phí xử lý chất thải y tế; tiền điện, nước, bảo vệ; chi thuê bảo trì theo quy định đối với hệ thống thang máy, điều hòa và các trang thiết bị chuyên dùng;

Giai đoạn 2017-2020, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã xây dựng Đề án tự chủ, trong đó xác định mức độ tự chủ của mỗi đơn vị căn cứ vào số liệu thu dịch vụ và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đảm bảo các hoạt động thường xuyên. Năm 2020 có 02 đơn vị sự nghiệp công đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên là Bệnh viện Nội tiết và Bệnh viện Phục Hồi chức năng.

b) Khôi phòng bệnh

Cơ bản định mức giao theo chỉ tiêu biên chế tương tự như khối quản lý nhà nước. Ngoài ra các khối dự phòng do tính chất chuyên môn các chương trình phải đi giám sát y tế cơ sở liên tục nên kinh phí đề bố trí cho công tác phí lớn nhưng do định mức chi thấp nên định mức thanh toán cho cán bộ thấp hơn rất nhiều so định mức quy định.

Giai đoạn này, ngân sách tiếp tục cấp phát theo định mức/ biên chế, tuy nhiên định mức tăng khoảng từ 1,5 triệu đồng đến 2,5 triệu đồng/ biên chế/ năm so với giai đoạn trước trong khi giá tiêu dùng tăng khá cao nên cán bộ y tế làm việc trong khối dự phòng gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ và trong đời sống. Tổng các đơn vị khối dự phòng năm 2017 là 16 đơn vị, giảm 14 đơn vị so với năm 2016 do sáp nhập 03 đơn vị dự phòng tuyến tỉnh (Trung tâm YTDP, Trung tâm PCSR-KST-CT, Trung tâm TT-GDSK) thành Trung tâm Kiểm soát

bệnh tật, sáp nhập 09 trung tâm Dân số KHHGD và 03 trung tâm ATVSTP tuyến huyện, thành phố vào Trung tâm y tế.

Về cơ bản ngân sách của địa phương cho chi sự nghiệp y tế đã đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên với địa hình miền núi vùng cao, việc đi lại giữa các huyện, xã còn gặp nhiều khó khăn. Với 09 huyện, thành phố và 152 xã, phường, thị trấn nên hằng năm ngân sách nhà nước phải chi trả chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp cho y tế xã, y tế thôn bản chiếm trên 80%/tổng chi y tế xã.

Đối với Nghị Quyết số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội quy định “Tăng tỷ lệ chi ngân sách hằng năm cho sự nghiệp y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ bình quân chung ngân sách cả nước, dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng”. Nếu tính các khoản chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị y tế thì cơ bản đảm bảo quy định nhưng nếu tính cả các khoản chi mua thẻ BHYT, chi đầu tư thì giai đoạn này chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 30% chi cho y tế dự phòng. Trên thực tế, chi thường xuyên cho con người của các đơn vị y tế dự phòng chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 80%, do đó chi ngân sách giành cho các hoạt động chuyên môn còn hạn chế nên các đơn vị khối dự phòng cũng gặp một số khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với đơn vị thuộc khối quản lý nhà nước

Các nội dung chi có tính chất thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị được bố trí từ nguồn ngân sách giao theo định mức biên chế Nghị quyết 89/2016/NQ-HĐND tăng định mức chi thường xuyên của đơn vị so với giai đoạn trước. Dự toán được phân bổ kịp thời; định mức rõ ràng, cụ thể đó là căn cứ để đơn vị xác định nguồn kinh phí để có phương án xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ, dự toán cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên thực tế định mức/biên chế/năm đã bao gồm các khoản chi hoạt động của chi, đảng bộ cơ sở; các khoản phụ cấp và chi hoạt động của lực lượng tự vệ; phụ cấp đối với cựu chiến binh của cơ quan, đơn vị; kinh phí phục vụ cho hoạt động tiếp dân; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định; chi hoạt động của bộ phận một cửa, chi rà soát thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; chi cập nhật thông tin và duy trì hoạt động của cổng thông tin điện tử; kinh phí tự đào tạo và đào tạo lại cán bộ của cơ quan đơn vị; hội nghị triển khai, sơ kết tổng kết, nhiệm vụ cơ quan đơn vị ngành; kinh phí hoạt động cổng thông tin điện tử của các ngành, kinh phí hoạt động của các trang Web chuyên ngành. Đối với các đơn vị quản lý nhà nước thì đặc thù chuyên môn của mỗi đơn vị khác nhau, việc đi kiểm tra, giám sát các cơ sở thường xuyên, liên tục, số biên chế được giao thấp, mức lương cơ sở điều chỉnh tăng lên hằng năm; do đó giá hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ công cộng.. tăng theo, trong khi định mức chi thường xuyên ổn định theo giai đoạn nên chưa đáp ứng được các khoản chi thực tế.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU - CHI GIAI ĐOẠN 2017-2021

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
	Tổng cộng	1.446.627	1.335.112	1.768.516	1.555.637	1.642.022	7.747.913
I	Tổng thu dịch vụ, thu phí	727.096	730.386	797.778	646.581	707.993	3.609.833
1	Tổng số thu dịch vụ khám chữa bệnh	692.948	698.514	755.760	617.788	673.211	3.438.221
2	Tổng số thu dịch vụ khác	32.576	30.986	40.886	28.218	34.033	166.699
3	Tổng số thu phí, lệ phí	1.571	886	1.132	575	749	4.914
II	NSNN cấp (bao gồm cả chi PCD)	447.731	419.826	533.438	530.656	560.629	2.492.280
III	Tổng chi đầu tư	271.800	184.900	437.300	378.400	373.400	1.645.800

Trong đó:

Tổng kinh phí ngân sách cấp năm 2020-2021 là 1.091.285 triệu đồng, trong đó kinh phí cấp phòng chống dịch Covid-19 là: 186.620 triệu đồng.

2.9.2. Lộ trình thực hiện tự chủ: Các đơn vị y tế đặc biệt là các bệnh viện trên địa bàn đã triển khai tốt các nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng giá dịch vụ theo yêu cầu, xây dựng các đề án, phương án tài chính, có các giải pháp để tăng nguồn thu, nâng cao đời sống cán bộ để nâng cao khả năng tự chủ, tiến tới trở thành đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên.

Tính đến hết năm 2021, lĩnh vực y tế có 04/27 đơn vị sự nghiệp là đơn vị sự nghiệp công tự chủ toàn bộ chi thường xuyên, chiếm 15%/ tổng số đơn vị sự nghiệp, cơ bản đã đảm bảo chủ trương của Đảng, Trung ương và địa phương.

Tuy nhiên năm 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số thu từ các dịch vụ đều giảm so với năm trước liền kề, việc đảm bảo tự chủ gặp một số khó khăn, dự toán chi KCB BHYT còn bất cập so với thực tế, việc xác định tổng mức thanh toán vướng mắc....

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

UBND tỉnh đã kịp thời xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo tới toàn thể các sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện/thị xã/thành phố về thực

hiện Nghị quyết -20/TW của ban chấp Hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Sở Y tế là cơ quan thường trực thực hiện Nghị quyết, các sở ngành liên quan; cấp ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố đều đã ban hành văn bản, triển khai công tác thực hiện Nghị quyết.

Công tác tuyên truyền quán triệt được triển khai sâu rộng trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và nhân dân; có sự phối hợp vào cuộc tích cực của các sở, ban ngành, đoàn thể các huyện/thị xã/Thành phố trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

Kế hoạch được triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo tiến độ. Mạng lưới các đơn vị y tế tiếp tục được tinh gọn, theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Quan tâm đầu tư, tái thiết hệ thống cơ sở vật chất; nhiều bệnh viện, cơ sở y tế được xây mới, nâng cấp, sửa chữa... Các đơn vị y tế đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình y tế, dân số trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh nhiễm khuẩn do Covid 19 và bảo đảm ATTP được quan tâm, chú trọng.

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao; trang thiết bị tiếp tục được bổ sung, triển khai mạnh chuyển đổi số trong ngành y tế, 100% các trạm y tế đều đã được nối mạng Internet để cập nhật thông tin; duy trì triển khai tốt Đề án 1816, Đề án khám chữa bệnh từ xa tại các bệnh viện, duy trì tốt tiêu chí quốc gia y tế tại 152/152 xã, phường, thị trấn.

Trong các mục tiêu cơ bản của Nghị quyết 20-NQ/TW, đến thời điểm tháng 6/2022, tỉnh Lào Cai có 7 chỉ tiêu đạt vượt so với mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW, trong đó có những chỉ tiêu quan trọng: Tỷ lệ số GB, số bác sỹ/vạn dân, tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi, dưới 1 tuổi. Một số bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm: Bệnh Phong, sốt rét, sởi, ho gà... cơ bản được khống chế.

2. Tồn tại, hạn chế

- Cơ sở vật chất một số đơn vị đã xuống cấp, chật hẹp, chưa được đầu tư (Trung tâm Y tế thành phố, bệnh viện Phục hồi chức năng), công tác đấu thầu mua sắm trang thiết bị, mua thuốc hóa chất trong 6 tháng đầu năm 2022 còn chậm so theo tiến độ; một số đơn vị còn thiếu phương tiện phục vụ cho hoạt động chuyên môn. Công tác đấu thầu mua sắm thuốc còn chậm;

- Thu dung bệnh nhân, tại một số bệnh viện đạt không cao, việc triển khai thực hiện các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật theo phân tuyến ở hầu hết các đơn vị tuyến huyện, xã còn chưa đạt theo quy định, tỷ lệ bao phủ BHYT năm 2021-2022 đạt thấp, ảnh hưởng đến việc tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân.

- Đội ngũ cán bộ chất lượng cao, cán bộ chuyên sâu thiếu so quy định nhất là các bệnh viện lớn, bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương có nơi còn hạn chế.

- Công tác tài chính y tế, tự chủ bệnh viện gặp nhiều khó khăn, do tần suất sử dụng dịch vụ thấp, nguồn thu bảo hiểm y tế (BHYT) vẫn là chủ yếu, nguồn thu trực tiếp từ bệnh nhân là không đáng kể, do đó việc giao tự chủ chi thường xuyên cho các bệnh viện còn khó khăn.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tỉnh Lào Cai còn ở mức cao so với mục tiêu và so với các địa phương trong cả nước. Công tác quản lý sức khỏe người dân còn chậm.

** Nguyên nhân:*

- Do điều kiện địa hình, địa lý phức tạp, ảnh hưởng nhiều công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, triển khai các chương trình y tế. Trên địa bàn còn tồn tại những ổ dịch cũ, nguy cơ tái phát. Nhận thức của dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số còn những hạn chế, ý thức chấp hành các quy định về phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm ATTP còn chưa tốt.

- Nhu cầu đầu tư cho ngành y tế là rất lớn, nhiều phát sinh trong quá trình hoạt động, nhất là trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid 19; trong khi nguồn lực của tỉnh có hạn.

- Dịch bệnh COVID-19 xuất hiện đột ngột, diễn biến bất thường đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động phát triển kinh tế văn hóa xã hội của tỉnh; làm chậm tiến độ triển khai các hoạt động y tế, ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết 139/NQ-CP.

3. Bài học kinh nghiệm

1. Để việc triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, được hiệu quả, Nghị quyết số 20-NQ/TW có ý nghĩa lớn, quan trọng đối với ngành y tế, để thực hiện thành công nghị quyết cần có được sự lãnh đạo thường xuyên của Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy và sự vào cuộc của hệ thống chính trị và nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Xác định việc tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị y tế vẫn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn hiện nay, cần phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động tổng thể các nguồn lực từ ngân sách, nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, nguồn lực từ cộng đồng cho triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Phát huy vai trò chủ đạo của ngành y tế, cần xây dựng đội ngũ cán bộ y tế vừa giỏi chuyên môn nghiệp vụ, vừa có tinh thần trách nhiệm trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển ngành y tế tỉnh Lào Cai.

4. Việc thực hiện thành công nghị quyết, cần có sự phối hợp tham mưu kịp thời của các ban, ngành liên quan, cần coi trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức toàn cộng đồng về Nghị quyết, để thống nhất về tư tưởng, hành động trong thực hiện NQ.

3. Sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Y tế, các vụ viện, các đơn vị y tế tuyến trung ương là một trong những yếu tố hết sức quan trọng trong việc xây dựng và

phát triển ngành y tế cũng như thực hiện hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức và nhiệm vụ của các cấp ủy chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành, đoàn thể Nghị quyết 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

2. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, đảm bảo từng bước hiện đại, đồng bộ, tạo điều kiện cho phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật hiện đại, đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế, thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ ngành y tế có năng lực về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. Tiếp tục trình HĐND ban hành các chính sách lĩnh vực y tế- dân số, tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người DTTS, vùng sâu có điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế đảm bảo thuận lợi, công bằng.

6. Chỉ đạo các sở, ban, ngành UBND các huyện/thị xã/thành phố tăng cường các hoạt động phối kết hợp, lồng ghép trong thực hiện các mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TW một cách đồng bộ, rộng khắp.

7. Giao Sở Y tế chủ trì, tham mưu việc triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết; chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Phòng chống dịch bệnh (đặc biệt là dịch COVID-19), khám chữa bệnh, công tác dân số- KHHGD, bảo đảm ATTP; kịp thời phát hiện khó khăn vướng mắc, đề xuất các giải pháp khắc phục; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện NQ về UBND tỉnh.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để việc triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết 139/NQ-CP một cách thuận lợi, hiệu quả, UBND tỉnh Lào Cai đề nghị Bộ Y tế:

1. Đề nghị tham mưu Chính phủ chỉ đạo đẩy nhanh các hoạt động Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Chương trình phát triển kinh tếXH vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ nguồn vốn cho thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết.

2. Tiếp tục quan tâm, đầu tư cho y tế Lào Cai từ các dự án quốc tế đã và đang triển khai có hiệu quả, sớm triển khai mua, cấp xe ô tô phòng chống dịch bệnh từ Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng (ADB.84).

Tiếp tục giúp đỡ tỉnh Lào Cai về cơ sở vật chất cho ngành y tế tỉnh Lào Cai từ các nguồn dự án trong và ngoài nước.

3. Chỉ đạo các Bệnh viện tuyến Trung ương tiếp tục hỗ trợ chuyên môn, thực hiện chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện của tỉnh Lào Cai theo, Đề án 1816, Đề án 585, Đề án khám chữa bệnh từ xa của Bộ Y tế.

4. Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai, tháo gỡ những khó khăn trong công tác khám chữa bệnh BHYT, chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn đọng trong thanh toán BHYT tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Trên đây là báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) của Sở Y tế Lào Cai./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Y tế;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH4, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 20-NQ/TW

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Số ký hiệu văn bản	Tên văn bản
1	Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
2	Kế hoạch 221-KH/UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
3	Chương trình số 116/CT-UBND ngày 31/01/2018 của UBND huyện Bát Xát	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới" trên địa bàn huyện Bát Xát
4	Kế hoạch số 153-KH/HU ngày 03/5/2018 của Huyện ủy Bảo Thắng	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới" trên địa bàn huyện Bảo Thắng
5	Kế hoạch số 157-KH/HU ngày 21/6/2018 của Huyện ủy Si Ma Cai	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới" trên địa bàn huyện Si Ma Cai
6	Kế hoạch 168-KH/TU ngày 11/6/2018 của Thành ủy Lào Cai	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"

7	Kế hoạch 115-KH/TU ngày 02/5/2018 của Huyện ủy Bắc Hà	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
8	Kế hoạch 135-KH/TU ngày 26/4/2018 của Huyện ủy Bảo Yên	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
9	Kế hoạch 177-KH/TU ngày 10/8/2018 của Huyện ủy Mường Khương	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
10	Kế hoạch 224/KH-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Kế hoạch số 153-KH/HU ngày 03/5/2018 của Huyện ủy Bảo Thắng thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XII "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"